

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Lý và ông Nguyễn Văn Chiến
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị N Lân – Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Triệu Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 332/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H, sinh năm 1995; Có mặt.
Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện TT, thành phố Hà Nội.
2. *Bị đơn:* Anh S, sinh năm 1985; Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện TT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh S tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã N (nay là xã Lam S), huyện TT vào ngày 25/4/2012. Trước khi kết hôn thì anh chị có khoảng gần 01 năm tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị chung sống cùng mẹ đẻ anh S ở thôn 3, xã Chàng S, huyện TT. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Do khi vợ chồng anh chị sửa nhà để ở có vay nợ để làm và ăn tiêu hàng ngày cũng như đóng tiền học cho các con thì anh S không chịu đi làm mà mọi việc trong gia đình đều do bản thân của chị lo liệu hết. Khi chị nói anh S thì dẫn đến vợ chồng anh chị cãi nhau. Lúc anh S đi làm thì anh S cũng không hề đưa tiền lương cho chị mà anh S chỉ tiêu vào bản thân và sở thích của anh S. Anh chị ngày càng cãi nhau nhiều và có lần anh S còn đập điện thoại của chị. Đến tháng 9 năm 2024 vì

xích mích giữa các con với con hàng xóm mà chị bị hàng xóm đánh, anh S có mặt ở đó nhưng cũng mặc kệ không hề có phản ứng gì nên chị mới chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ ngày chị và anh S sống ly thân anh S chưa một lần đến nhà để nói chuyện về việc đoàn tụ. Nay xét thấy chị và anh S không thể đoàn tụ được, chị đã hết tình cảm với anh S nên chị đề nghị ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 03 con chung là cháu N, sinh ngày 23/4/2012; cháu Y, sinh ngày 19/5/2014 và cháu N, sinh ngày 06/9/2015. Hiện các con đang ở với anh S và bà nội. Nay ly hôn chị xin được nuôi cháu N và cháu Y còn anh S nuôi dưỡng cháu N. Chị đang làm ở công ty ván ép tại khu công nghiệp Đồng Cam với mức thu nhập mỗi tháng khoảng 8.500.000 đồng, thời gian làm việc từ 8 giờ 30 đến 17 giờ 30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần. Khi chị được nuôi các con thì ngoài chị còn có bố mẹ chị giúp chị chăm sóc các con. Chị không đề nghị anh S cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết

* Bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp pháp nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của anh S.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm khởi kiện, chị xin được ly hôn anh S, được nuôi 02 con chung là cháu N và cháu Y, không đề nghị anh S cấp dưỡng nuôi con chung và không đề nghị giải quyết về tài sản, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn anh S. Về con chung, giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu N, sinh ngày 23/4/2012 và cháu Y, sinh ngày 19/5/2014. Giao anh S trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu N, sinh ngày 06/9/2015. Chị H và anh S được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh S có địa chỉ tại thôn 3, xã T, huyện TT, thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đầy đủ, hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về nội dung: Chị H và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã Lam S), huyện TT, thành phố Hà Nội vào năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc dù vợ chồng đã nói chuyện và gia đình hai bên có hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Chị H và anh S chính thức sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2024 đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Chị H xin ly hôn, dù biết nhưng anh S vẫn để mặc như vậy mà không hề có biện pháp gì. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh S là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung là cháu N, sinh ngày 23/4/2012; cháu Y, sinh ngày 19/5/2014 và cháu N, sinh ngày 06/9/2015. Chị H có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là cháu N và cháu Y còn cháu N giao cho anh S nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trách nhiệm nuôi dưỡng các con là của cả chị H và anh S. Mặt khác, cháu N và cháu Y đã hơn 10 tuổi và đều là con gái chuẩn bị đến tuổi dậy thì nên cần sự quan tâm và chăm sóc của người mẹ hơn. Cháu N và cháu Y có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Cháu N có nguyện vọng được ở với anh S. Xét thấy chị H và anh S đều có chỗ ở, thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con và có gia đình phụ giúp anh chị trong việc chăm sóc các con nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người chưa thành niên. Từ đó Hội đồng xét xử giao cháu N và Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh S đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị H và anh S được quyền qua lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với anh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị H và anh S.

2. Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung là cháu N, sinh ngày 23/4/2012; cháu Y, sinh ngày 19/5/2014 và cháu N, sinh ngày 06/9/2015. Giao cháu N, sinh ngày 23/4/2012 và cháu Y, sinh ngày 19/5/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu N, sinh ngày 06/9/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Bảo N, cháu Hoàng Y và cháu Hoài N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh S đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị H và anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải

chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0058837 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã Lam S, huyện TT, thành phố Hà Nội (GCNKH số 60 ngày 25/4/2012)
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trí Tuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

